

Số: /KH-STP

Bắc Ninh, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế số và xã hội số của Sở Tư pháp giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 24/11/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp, Sở ban hành Kế hoạch Phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030 với các nội dung cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành Tư pháp là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng cung cấp dịch vụ công và đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số. Đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, gắn với thực hiện chuyển đổi số toàn diện của tỉnh Bắc Ninh.

2. Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; lấy dữ liệu là nền tảng, công nghệ số là công cụ, đổi mới sáng tạo là động lực để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và thi hành pháp luật, phổ biến giáo dục pháp luật và các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Tư pháp.

3. Phát triển kinh tế số và xã hội số của Sở Tư pháp phải bảo đảm đồng bộ với hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số dùng chung của tỉnh; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, đặc biệt là Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Tư pháp; ưu tiên các lĩnh vực có tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp như hộ tịch, chứng thực, công chứng, trợ giúp pháp lý, phổ biến giáo dục pháp luật.

5. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình chuyển đổi số; tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, góp phần xây dựng môi trường số an toàn, tin cậy.

II. MỤC TIÊU

1. Phát triển kinh tế số đến năm 2030

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ hoạt động quản lý nhà nước của ngành Tư pháp; từng bước chuyển đổi toàn diện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ lên môi trường số.

- 100% dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp được cung cấp toàn trình, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công của ngành Tư pháp.

- 100% hồ sơ công việc của Sở Tư pháp được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% cơ sở dữ liệu chuyên ngành tư pháp (hộ tịch, công chứng, chứng thực, xử lý vi phạm hành chính...) được số hóa, chuẩn hóa và kết nối, chia sẻ theo quy định.

- Tăng cường khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành và xây dựng chính sách pháp luật; từng bước hình thành hệ thống dữ liệu phục vụ phân tích, dự báo trong lĩnh vực tư pháp.

- Ứng dụng các công nghệ số tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong tra cứu, hỗ trợ nghiệp vụ pháp lý, phổ biến giáo dục pháp luật và cung cấp dịch vụ pháp lý cho người dân, doanh nghiệp.

- Phần đầu 100% giao dịch tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp được thực hiện không dùng tiền mặt.

2. Phát triển xã hội số đến năm 2030

- 100% thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 100%.

- 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực tư pháp được định danh và xác thực điện tử thông qua VNeID hoặc các phương thức hợp pháp khác.

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp, đạt tỷ lệ 100%.

- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, tái sử dụng theo quy định; hạn chế tối đa việc người dân phải cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã có.

- Tối thiểu 95% người dân được tiếp cận thông tin pháp luật thông qua các nền tảng số; phát triển đa dạng các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật trên môi trường số (cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, ứng dụng di động...).

- Triển khai hiệu quả các nền tảng hỗ trợ pháp lý trực tuyến, từng bước hình thành hệ sinh thái dịch vụ pháp lý số phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- 100% công chức, viên chức ngành Tư pháp được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, đáp ứng yêu cầu làm việc trên môi trường số.

- Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong cung cấp dịch vụ tư pháp trên môi trường số; nâng cao nhận thức, kỹ năng an toàn số cho người dân khi sử dụng dịch vụ pháp lý trực tuyến.

III. PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ

1. Thể chế

Thể chế là nền tảng quan trọng, đóng vai trò dẫn dắt, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành Tư pháp; bảo đảm các hoạt động chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, hiệu quả, đúng quy định pháp luật.

Trọng tâm:

a) Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tư pháp phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi.

b) Tham gia xây dựng, góp ý các cơ chế, chính sách của tỉnh liên quan đến dữ liệu số, giao dịch điện tử, chia sẻ và khai thác dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn thông tin mạng.

c) Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách thúc đẩy cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong lĩnh vực tư pháp; đơn giản hóa thủ tục hành chính, chuyển đổi quy trình xử lý sang môi trường số.

d) Tham mưu triển khai các quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử, chữ ký số, hợp đồng điện tử trong hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ tư pháp.

đ) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế thí điểm (sandbox) đối với một số mô hình, giải pháp công nghệ mới trong lĩnh vực pháp lý như tư vấn pháp luật trực tuyến, trợ giúp pháp lý ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), nền tảng phổ biến giáo dục pháp luật số.

e) Tăng cường kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong bối cảnh chuyển đổi số; kịp thời phát hiện, xử lý các quy định chồng chéo, không còn phù hợp.

2. Hạ tầng số

Phát triển, khai thác hiệu quả hạ tầng số là điều kiện nền tảng để triển khai các hoạt động chuyển đổi số trong ngành Tư pháp; bảo đảm kết nối thông suốt, an toàn, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

Trọng tâm:

a) Sử dụng hiệu quả hạ tầng công nghệ thông tin, mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước; bảo đảm kết nối thông suốt trong Sở và các đơn vị thuộc Sở.

b) Triển khai, nâng cấp hệ thống mạng nội bộ (LAN), thiết bị công nghệ thông tin, bảo đảm đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường số; từng bước hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật của ngành.

c) Khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số dùng chung của tỉnh như: nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP), hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống thư điện tử công vụ.

d) Bảo đảm hạ tầng phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong lĩnh vực tư pháp; tích hợp các tiện ích số như định danh điện tử, chữ ký số, thanh toán điện tử.

đ) Từng bước triển khai hạ tầng lưu trữ, xử lý dữ liệu theo hướng tập trung, an toàn, đáp ứng yêu cầu số hóa, khai thác và chia sẻ dữ liệu chuyên ngành tư pháp.

e) Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng; thực hiện giám sát, phòng chống, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố an toàn thông tin.

3. Nền tảng số

Phát triển nền tảng số là giải pháp cốt lõi để tổ chức, vận hành các hoạt động của ngành Tư pháp trên môi trường số; hình thành không gian số phục vụ quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ pháp lý cho người dân, doanh nghiệp.

Trọng tâm:

a) Triển khai, sử dụng hiệu quả các nền tảng số dùng chung của tỉnh như: hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP), nền tảng định danh và xác thực điện tử.

b) Phát triển, hoàn thiện các nền tảng số chuyên ngành tư pháp, bảo đảm đồng bộ, liên thông, đáp ứng yêu cầu quản lý và phục vụ người dân, doanh nghiệp, trong đó tập trung: Nền tảng quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; Nền tảng chứng thực điện tử; Nền tảng phổ biến, giáo dục pháp luật trên môi trường số.

c) Tích hợp các tiện ích số (định danh điện tử, chữ ký số, thanh toán điện tử...) vào các nền tảng chuyên ngành nhằm nâng cao trải nghiệm người dùng, giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

d) Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các nền tảng số của ngành Tư pháp với các nền tảng số quốc gia và của tỉnh; bảo đảm dữ liệu được khai thác hiệu quả, phục vụ công tác quản lý và cung cấp dịch vụ công.

đ) Từng bước nghiên cứu, ứng dụng các nền tảng số mới tích hợp công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ tra cứu pháp luật, tư vấn pháp lý, phổ biến giáo dục pháp luật.

e) Bảo đảm các nền tảng số được vận hành ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định.

4. Dữ liệu số

Dữ liệu số là nền tảng cốt lõi, nguồn tài nguyên quan trọng phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công trong ngành Tư pháp; là cơ sở để hình thành các dịch vụ pháp lý số, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Trọng tâm:

a) Rà soát, chuẩn hóa, số hóa và cập nhật đầy đủ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành tư pháp, bảo đảm dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống”, phục vụ hiệu quả công tác quản lý và khai thác sử dụng.

b) Xây dựng, hoàn thiện và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu trọng điểm của ngành, gồm: hồ tịch điện tử, công chứng, chứng thực, xử lý vi phạm hành chính và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

c) Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của ngành Tư pháp với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của tỉnh, đặc biệt là Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm phục vụ giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng, chính xác.

d) Thực hiện công bố dữ liệu mở thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định; từng bước hình thành danh mục dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng.

đ) Tăng cường khai thác, sử dụng dữ liệu trong công tác chỉ đạo, điều hành; từng bước ứng dụng phân tích dữ liệu để hỗ trợ xây dựng chính sách, dự báo trong lĩnh vực tư pháp.

e) Bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bí mật nhà nước trong quá trình thu thập, lưu trữ, xử lý và chia sẻ dữ liệu.

g) Thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý, khai thác dữ liệu rõ ràng; nâng cao trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong quản lý, sử dụng dữ liệu số.

5. Chuyển đổi AI

Chuyển đổi AI trong ngành Tư pháp là quá trình tích hợp, ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động quản lý nhà nước và nghiệp vụ chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả công việc, chất lượng phục vụ và hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Trọng tâm:

a) Nghiên cứu, xác định các bài toán trọng điểm trong lĩnh vực tư pháp có thể ứng dụng hiệu quả trí tuệ nhân tạo như: tra cứu, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; hỗ trợ giải đáp pháp luật; phân loại, xử lý hồ sơ hành chính; hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

b) Từng bước triển khai các giải pháp ứng dụng AI trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, như: Trợ lý ảo hỗ trợ tra cứu pháp luật, tư vấn pháp lý cơ bản; Ứng dụng AI trong tiếp nhận, phân loại, xử lý hồ sơ dịch vụ công; Ứng dụng AI trong tổng hợp, phân tích dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

c) Tích hợp các công cụ AI vào các nền tảng số của ngành Tư pháp nhằm nâng cao trải nghiệm người dùng, rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công.

d) Thực hiện thí điểm một số mô hình ứng dụng AI trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin pháp luật nhanh chóng, thuận tiện.

đ) Bảo đảm việc ứng dụng AI tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, an ninh mạng và các nguyên tắc đạo đức trong sử dụng trí tuệ nhân tạo.

e) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng dụng AI cho công chức, viên chức trong ngành Tư pháp.

6. An toàn thông tin mạng và an ninh mạng

Bảo đảm an toàn thông tin mạng và an ninh mạng là yêu cầu xuyên suốt, điều kiện tiên quyết để triển khai hiệu quả chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành Tư pháp; góp phần bảo vệ dữ liệu, bảo đảm hoạt động ổn định, tin cậy của các hệ thống thông tin.

Trọng tâm:

a) Triển khai đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng trong thiết kế, xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số của ngành Tư pháp.

b) Phân loại, xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin; triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn theo cấp độ, phù hợp với quy mô, tính chất của từng hệ thống.

c) Tăng cường giám sát, phát hiện sớm, phòng ngừa và xử lý kịp thời các nguy cơ, sự cố mất an toàn thông tin; phối hợp với các cơ quan chức năng trong ứng cứu sự cố an ninh mạng.

d) Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu cá nhân, dữ liệu hộ tịch, lý lịch tư pháp và các dữ liệu nhạy cảm khác; tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

đ) Triển khai các giải pháp sao lưu, dự phòng dữ liệu; bảo đảm khả năng khôi phục hệ thống khi xảy ra sự cố.

e) Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho công chức, viên chức; phổ biến kiến thức an toàn số cho người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực tư pháp.

g) Đẩy mạnh sử dụng chữ ký số, chứng thư số và các dịch vụ tin cậy trong xử lý công việc và cung cấp dịch vụ công, bảo đảm tính pháp lý và an toàn cho các giao dịch điện tử.

7. Nhân lực số

Nhân lực số là yếu tố then chốt, quyết định hiệu quả triển khai chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành Tư pháp; là nền tảng để vận hành các hệ thống số, khai thác dữ liệu và ứng dụng công nghệ vào thực tiễn công tác.

Trọng tâm:

a) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản và nâng cao cho công chức, viên chức trong toàn ngành; bảo đảm đáp ứng yêu cầu làm việc trên môi trường số.

b) Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác dữ liệu số, sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến và các công cụ hỗ trợ công việc số.

c) Bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, dữ liệu số, an toàn thông tin, trí tuệ nhân tạo cho đội ngũ công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo, quản lý.

d) Phát triển đội ngũ công chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành Tư pháp, đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ số hóa, quản trị hệ thống và bảo đảm an toàn thông tin.

đ) Khuyến khích công chức, viên chức chủ động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng số; thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc số.

e) Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp công nghệ trong đào tạo, bồi dưỡng nhân lực số; gắn đào tạo với thực tiễn công việc và nhu cầu sử dụng.

8. Công dân số và văn hóa số

Phát triển công dân số và văn hóa số trong lĩnh vực tư pháp là nền tảng quan trọng để nâng cao nhận thức, hình thành thói quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến, xây dựng môi trường pháp lý lành mạnh, an toàn trên không gian mạng.

Trọng tâm:

a) Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật trên môi trường số; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền thông qua cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, nền tảng số, ứng dụng di động nhằm nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật của người dân.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực tư pháp; nâng cao kỹ năng số cơ bản, kỹ năng sử dụng các nền tảng số và bảo đảm an toàn thông tin khi tham gia môi trường mạng.

c) Triển khai các mô hình phổ biến pháp luật số như: trợ giúp pháp lý trực tuyến, hệ thống hỏi - đáp pháp luật, nền tảng học tập pháp luật trực tuyến, góp phần xây dựng xã hội học tập số.

d) Gắn việc phát triển công dân số với sử dụng định danh điện tử (VNeID), chữ ký số cá nhân, thanh toán điện tử trong thực hiện thủ tục hành chính và giao dịch pháp lý.

đ) Xây dựng, lan tỏa văn hóa số trong ngành Tư pháp và trong cộng đồng: tuân thủ pháp luật trên không gian mạng, ứng xử văn minh, có trách nhiệm khi tham gia môi trường số.

e) Phối hợp với các cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, nâng cao nhận thức pháp luật và kỹ năng số cho người dân, đặc biệt là các nhóm đối tượng yếu thế, vùng nông thôn.

9. Doanh nghiệp số

Phát triển doanh nghiệp số là động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế số; trong đó, ngành Tư pháp đóng vai trò hỗ trợ hoàn thiện hành lang pháp lý, nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật và đồng hành cùng doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số.

Trọng tâm:

a) Tăng cường hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quá trình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Đẩy mạnh cung cấp thông tin pháp luật, tư vấn pháp lý trực tuyến cho doanh nghiệp thông qua các nền tảng số; nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật nhanh chóng, thuận tiện.

c) Tham gia xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến kinh tế số, thương mại điện tử, giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các hoạt động kinh doanh trên môi trường số.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao nhận thức, năng lực tuân thủ pháp luật trong môi trường số; phòng ngừa rủi ro pháp lý trong giao dịch điện tử, ký kết hợp đồng điện tử, sử dụng dữ liệu.

đ) Khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức hành nghề luật sư, công chứng, đấu giá tài sản, tư vấn pháp luật ứng dụng công nghệ số, cung cấp dịch vụ pháp lý trực tuyến, góp phần hình thành hệ sinh thái dịch vụ pháp lý số.

e) Tăng cường phối hợp với các sở, ngành, hiệp hội doanh nghiệp trong việc hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận chính sách, pháp luật và các nền tảng số phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh.

10. Quản trị số

Quản trị số là nền tảng quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của ngành Tư pháp; chuyển đổi phương thức chỉ đạo, điều hành từ truyền thống sang dựa trên dữ liệu và công nghệ số, bảo đảm kịp thời, minh bạch, chính xác.

Trọng tâm:

a) Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; chuyển toàn bộ quy trình xử lý công việc nội bộ và giải quyết thủ tục hành chính sang môi trường số, bảo đảm công khai, minh bạch, giảm thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

b) Sử dụng hiệu quả hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, sử dụng chữ ký số trong chỉ đạo, điều hành.

c) Từng bước hình thành hệ thống dữ liệu phục vụ công tác quản trị, điều hành của Sở; khai thác dữ liệu số để phân tích, đánh giá, dự báo, hỗ trợ ra quyết định.

d) Tăng cường kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các phòng, đơn vị thuộc Sở và với các cơ quan, đơn vị liên quan; bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong quản lý và điều hành.

đ) Ứng dụng các công cụ số, nền tảng số trong theo dõi, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ; nâng cao trách nhiệm giải trình và hiệu quả công vụ.

e) Nâng cao năng lực quản trị số cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý; đổi mới phương thức làm việc theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, dựa trên dữ liệu và công nghệ số.

IV. PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ NGÀNH TƯ PHÁP

Phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành Tư pháp được triển khai toàn diện trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, gắn với chuyển đổi số trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, trong đó tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm sau:

1. Xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật

- Ứng dụng công nghệ số trong xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm quy trình xử lý trên môi trường số.

- Xây dựng, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh; tích hợp, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ tra cứu, hệ thống hóa, phát hiện chồng chéo, mâu thuẫn trong văn bản pháp luật.

2. Phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL)

- Đẩy mạnh PBGDPL trên môi trường số; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền thông qua nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng di động.

- Xây dựng, phát triển các nền tảng số phục vụ PBGDPL như: hệ thống hỏi - đáp pháp luật, học liệu số, video, infographic.

- Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong cung cấp thông tin pháp luật, hỗ trợ người dân tiếp cận pháp luật thuận tiện, hiệu quả.

3. Hộ tịch, chứng thực

- Triển khai hiệu quả đăng ký hộ tịch trực tuyến; số hóa, cập nhật, làm sạch dữ liệu hộ tịch, bảo đảm kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Thực hiện chứng thực điện tử; đẩy mạnh sử dụng bản sao điện tử, giảm sử dụng giấy tờ.

- Tích hợp các tiện ích số như định danh điện tử, chữ ký số trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch, chứng thực.

4. Trợ giúp pháp lý

- Ứng dụng công nghệ số trong tiếp nhận, xử lý yêu cầu trợ giúp pháp lý; cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý trực tuyến.

- Xây dựng các kênh tư vấn pháp lý trực tuyến, hỗ trợ người dân, đặc biệt là đối tượng yếu thế, tiếp cận dịch vụ pháp lý thuận tiện.

- Tăng cường truyền thông, phổ biến thông tin về trợ giúp pháp lý trên môi trường số.

5. Hỗ trợ tư pháp (luật sư, công chứng, đấu giá tài sản...)

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức hành nghề luật sư, công chứng, đấu giá tài sản ứng dụng công nghệ số trong hoạt động nghiệp vụ.
- Phát triển các dịch vụ pháp lý trực tuyến; từng bước hình thành hệ sinh thái dịch vụ pháp lý số.
- Tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động hỗ trợ tư pháp trên môi trường số, bảo đảm tuân thủ pháp luật.

6. Theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính

- Ứng dụng công nghệ số trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật; xây dựng hệ thống thu thập, tổng hợp, phân tích dữ liệu.
- Số hóa, quản lý dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính; kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý.
- Ứng dụng dữ liệu số trong phân tích, đánh giá, dự báo tình hình thi hành pháp luật.

V. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức, bộ máy

- Kiện toàn bộ máy chỉ đạo, điều hành chuyển đổi số của Sở Tư pháp; phân công rõ trách nhiệm của từng phòng, đơn vị trực thuộc trong triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.
- Gán trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện chuyển đổi số; đưa tiêu chí chuyển đổi số vào đánh giá thi đua, khen thưởng hàng năm.
- Phát huy vai trò của tổ công nghệ số trong cơ quan, đơn vị; tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn công chức, viên chức trong sử dụng các nền tảng số.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ bảo đảm phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngành Tư pháp.
- Tham gia góp ý hoàn thiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số, dữ liệu số, giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- Xây dựng các quy định về quản lý, khai thác, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành tư pháp bảo đảm thống nhất, an toàn, hiệu quả.

3. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số và dữ liệu số

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh mạng.
- Triển khai hiệu quả các nền tảng số dùng chung của tỉnh và của ngành; bảo đảm kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin quốc gia.
- Xây dựng, cập nhật, làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu chuyên ngành; thúc đẩy chia sẻ, khai thác hiệu quả dữ liệu phục vụ quản lý và cung cấp dịch vụ công.

4. Phát triển nguồn nhân lực số

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng sử dụng các hệ thống thông tin cho công chức, viên chức.
- Nâng cao năng lực đội ngũ công chức chuyên trách công nghệ thông tin; bố trí nhân lực phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số.
- Khuyến khích tự học, tự nâng cao trình độ về công nghệ số trong toàn ngành.

5. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số, kinh tế số và xã hội số trong ngành Tư pháp.
- Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua các nền tảng số, mạng xã hội, hệ thống thông tin điện tử.
- Hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt.

6. Bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng

- Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng trong toàn bộ hệ thống thông tin của Sở.
- Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ mức độ an toàn thông tin; kịp thời phát hiện, xử lý các nguy cơ mất an toàn.
- Nâng cao nhận thức, kỹ năng bảo mật thông tin cho công chức, viên chức.

7. Huy động nguồn lực

- Chủ động bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số.
- Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng, nền tảng số.
- Ưu tiên hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin thay vì đầu tư riêng lẻ, manh mún.

8. Tăng cường phối hợp

- Tăng cường phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và các sở, ngành liên quan trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.
- Phối hợp với UBND cấp xã trong việc triển khai dịch vụ công trực tuyến và số hóa dữ liệu tư pháp.
- Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan tư pháp và các cơ quan liên quan.

9. Kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch tại các phòng, đơn vị trực thuộc.
- Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.
- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tế.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở

- Là đầu mối tham mưu Lãnh đạo Sở tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện tại các phòng, đơn vị trực thuộc.
- Chủ trì triển khai các nhiệm vụ về hạ tầng số, nền tảng số, bảo đảm kỹ thuật, an toàn thông tin mạng trong toàn Sở.
- Tổng hợp, xây dựng báo cáo định kỳ trước ngày 15/11 hằng năm, đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch gửi Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Các phòng, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực phụ trách.
- Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, dữ liệu chuyên ngành; triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
- Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Sở trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu và triển khai các nền tảng số dùng chung.
- Phòng Phổ biến và Theo dõi thi hành pháp luật chủ trì triển khai các nhiệm vụ liên quan đến tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên nền tảng số; phát triển nội dung số phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền trên môi trường mạng.
- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý trên môi trường số. Nghiên cứu triển khai các hình thức tư vấn pháp luật trực tuyến, hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ thuận tiện, hiệu quả.

3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Sở và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định. Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch Phát triển kinh tế số và xã hội số của Sở Tư pháp giai đoạn 2026 - 2030./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH&CN;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trương Minh Thắng